QUẢN LÍ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN THỊ BẠCH MAI - Sở GD&ĐT Lâm Đồng
PGS.TS. NGÔ QUANG SƠN - Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu phổ cập giáo dục gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội. Phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em 5 tuổi được xác định là nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó, phát triển đội ngũ giáo viên MN (GVMN) là yếu tố cần thiết để thực hiện mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi "bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mĩ, tiếng Việt và tâm lí sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1" nhằm nâng cao chất lượng GDMN, góp phần phát triển giáo dục ở các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên

2.1. Tình hình phổ cập GDMN ở các tỉnh Tây Nguyên

Vùng Tây Nguyên gồm năm tỉnh: KonTum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Trong những năm gần đây, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo thuận lợi đối với phát triển GDMN trong cả nước nói chung và các tỉnh vùng Tây Nguyên nói riêng. Quyết định số 239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015 đã làm động lực cho GDMN cả nước nói chung và vùng Tây Nguyên nói riêng có điều kiện để phát triển.

- Tổng số lớp mẫu giáo 5 tuổi là 4.922 lớp, chiếm tỉ lệ 48,71% số lớp mẫu giáo của các tỉnh Tây Nguyên.

- Số trẻ em 5 tuổi được huy động đến trường: 112.476 trẻ, chiếm tỉ lệ 99,2% so với tổng số trẻ trong độ tuổi. Tỉnh có tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi thấp nhất là Đắk Nông (97,6%) và cao nhất là Gia Lai (99,9%).

- Trẻ em 5 tuổi được học 2 buổi/ngày: 106.163 trẻ, chiếm tỉ lệ 94,4% so với tổng số trẻ 5 tuổi được huy động đến trường, lớp MN. Tỉnh có tỉ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi được học 2 buổi/ngày thấp nhất là Đắk Nông (86,6%) và cao nhất là Lâm Đồng (100%).

Bảng 1: Quy mô lớp mẫu giáo 5 tuổi và số trẻ em 5 tuổi đến trường của các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 - 2013

STT	Tỉnh	Lớp mẫu giáo 5 tuổi	Trẻ mẫu giáo 5 tuổi				
			Tổng số trẻ 5 tuổi	Đến trường	Tỉ lệ %	Học 2 buổi/ngày	Tỉ lệ %
1	Gia Lai	1472	32.002	31.968	99,9	27.68	86,6
2	Kon Tum	806	11.151	11.117	99,7	11.01	99,0
3	Đắk Lắk	1323	34.383	33.989	98,9	32.661	96,1
4	Đắk Nông	465	12.003	11.714	97,6	11.124	95,0
5	Lâm Đồng	856	23.804	23.688	99,5	23.688	100
Tổng số		4922	113.343	112.476	99,2	106.163	94,4

Nguồn: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

2.2. Phát triển đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi

GVMN không những có nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các mục tiêu chương trình GDMN mà còn là người làm công tác tuyên truyền, vận động, duy trì sĩ số trẻ em đến trường, lớp MN. Do đó, yêu cầu đối với đội ngũ GVMN bao quát theo nội dung cơ bản sau đây:

- Huy động trẻ em đến trường đúng độ tuổi quy định.
- Đảm bảo tỉ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.
- Thực hiện tiến độ và tiêu chuẩn phổ cập GDMN phù hợp với yêu cầu của thực tiễn địa phương.

Từ những phân tích trên, nét đặc thù về các yêu cầu phát triển đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi được cụ thể hóa như sau:

** Yêu cầu đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu đội ngũ GVMN tổ chức cơ sở giáo dục trẻ 2 buổi/ngày (yêu cầu 1).*

** Yêu cầu về chất lượng đội ngũ GVMN dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo hướng chuẩn hóa phù hợp thực tiễn địa phương (yêu cầu 2).*

** Yêu cầu GV có khả năng thắt chặt hơn mối quan hệ với phụ huynh học sinh và cộng đồng, tham gia các hoạt động rộng rãi trong và ngoài nhà trường cùng thực hiện có chất lượng và tiến độ phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, góp phần nâng cao chất lượng GDMN một cách bền vững (yêu cầu 3).*

** Yêu cầu bảo đảm chính sách đãi ngộ phù hợp (yêu cầu 4).*

3. Thực trạng phát triển đội ngũ GVMN các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi

Phân tích kết quả điều tra, khảo sát thực trạng quản lí phát triển đội ngũ GVMN của 5 tỉnh Tây Nguyên từ năm 2010 đến năm 2014 được tiến hành trong năm học 2012 - 2013. Hình thức thông qua phiếu hỏi ý kiến của lãnh đạo và trưởng, phó phòng GDMN các sở giáo dục và đào tạo (20 người), phòng giáo dục và đào tạo thuộc các tỉnh (20 người), cán bộ quản lí các trường MN đại diện các địa bàn của tỉnh (160 người). Kết quả cho chúng ta thấy:

3.1. Về số lượng

Việc phát triển đội ngũ GVMN, đặc biệt là GV dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi để thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi đã được các cấp quản lí giáo dục quan tâm, có chú ý xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV. Hàng năm, đội ngũ GVMN có tăng về số lượng, từng bước bố trí đảm bảo định biên GV/lớp và GV/trẻ theo đặc điểm của từng cơ sở GDMN, cố gắng sắp xếp đội ngũ GVMN phù hợp quy mô mạng lưới trường, lớp; nhất

là vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.

Tính đến tháng 5 năm 2013, số GV mẫu giáo của các tỉnh Tây Nguyên là 12.479 người, riêng GV dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có 6.956 người. Các địa phương đã cố gắng bố trí GV để thực hiện chăm sóc và giáo dục trẻ 2 buổi/ngày (2 GV/lớp bán trú, 1GV/lớp học 1 buổi), tỉ lệ bình quân GV/lớp trong toàn vùng là 1,4. Tuy nhiên so với định biên và nhu cầu vẫn còn thiếu 1.418 GVMN. Số GVMN tại vùng dân tộc thiểu số (DTTS) có 4.565 người, tỉ lệ 10,2% trong tổng số GVMN của các tỉnh. Số GVMN là người DTTS của vùng Tây Nguyên chiếm tỉ lệ thấp: GV nhà trẻ 8,01%, GV mẫu giáo 17,9%. Trong đó, có 56,6% GV không biết tiếng dân tộc của địa phương đang công tác gặp nhiều khó khăn trong việc giao tiếp giữa GV - trẻ, GV - phụ huynh DTTS. Do đó, chưa đạt được kết quả cao trong công tác chăm sóc và giáo dục, nhất là việc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em DTTS vào lớp 1.

3.2. Về chất lượng

Đại bộ phận GVMN nhất là GV dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi nhiệt tình, có ý thức trong học tập nâng cao trình độ, có ý thức trách nhiệm trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi tại địa phương. Đội ngũ GVMN từng bước được trẻ hóa, đào tạo chuẩn và trên chuẩn, từng bước đáp ứng với yêu cầu của đổi mới chương trình GDMN mới.

Trong giai đoạn từ năm 2010 - 2014, các tỉnh trong vùng Tây Nguyên tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo chuẩn hoá cho GVMN, số lượng GVMN đạt trình độ chuẩn (trung học MN) là 13.310 người trong tổng số 14.108 GVMN, tỉ lệ 94,34% đạt chuẩn; trong đó số GVMN đạt trình độ trên chuẩn (cao đẳng sư phạm MN trở lên) là 5.952 người, chiếm tỉ lệ 41,29% so với tổng số GVMN. So với chỉ tiêu đề án phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2011 - 2015 (đến năm 2015, 100% đạt chuẩn - 50% đạt trên chuẩn) còn 5,66% GVMN chưa đạt trình độ chuẩn.

Đánh giá năng lực nghề nghiệp của GVMN được thực hiện tại các trường MN của tất cả các tỉnh thông qua phiếu đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN. Phân tích số liệu đánh giá tháng 6/2013 (thông qua phiếu tổng hợp đánh giá của 212 hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn của 212 trường MN và 2.791 GVMN) chúng ta thấy rằng: Có 100% GV đánh giá chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, các quy định của ngành. Kết quả đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp: Tổng số GVMN được đánh giá, xếp loại từ khá trở lên có tỉ lệ 68,5%, so với mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi chưa đảm bảo yêu cầu (80% GVMN xếp loại từ khá trở lên).

Trước nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi tại 5 tỉnh vùng Tây Nguyên, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cấp lãnh đạo quản lí giáo dục đã quan tâm phát triển đội ngũ GVMN, đặc biệt là GV dạy các lớp mẫu giáo 5 tuổi để thực hiện mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Đội ngũ GVMN tăng về số lượng, đảm bảo định biên GV/lớp và GV/trẻ theo đặc điểm của từng cơ sở GDMN, đáp ứng quy mô phát triển trường, lớp MN. Chất lượng đội ngũ GVMN từng bước được nâng lên thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GVMN. Chế độ chính sách cho đội ngũ GVMN giải quyết đảm bảo chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định. Công tác đánh giá, xếp loại GVMN được tiến hành hàng năm có nề nếp theo quy trình, cơ bản hướng theo yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp GVMN.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, công tác phát triển đội ngũ GVMN vẫn còn những khó khăn:

- Chất lượng đội ngũ GVMN chưa đồng đều giữa các vùng, thành phố, thị xã, thị trấn và vùng dân tộc. Vì vậy còn gặp nhiều khó khăn trong xây dựng phát triển GDMN theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Công tác đào tạo GVMN chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển quy mô GDMN, đảm bảo thực hiện được mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ vẫn còn mang tính hình thức, tinh thần tự học của GV chưa cao do điều kiện và thời gian làm việc của GVMN vượt quá quy định (10 - 12 giờ/ngày); các nội dung bồi dưỡng chưa nhiều, nội dung bồi dưỡng thuộc về kĩ năng và cập nhật kiến thức mới về chăm sóc và giáo dục trẻ. Chưa tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho GVMN dạy ở vùng DTTS một cách bài bản, số lượng GV được tham gia các lớp học tiếng DTTS còn ít so với nhu cầu của từng địa phương. Vẫn còn địa phương chưa có sự quan tâm đầu tư đúng mức đối với GDMN; thiếu các điều kiện để GVMN yên tâm công tác tại vùng sâu, xa, vùng đồng bào DTTS. Việc thực hiện chế độ chính sách cho GVMN còn nhiều bất cập, chưa có chế độ đặc biệt riêng đối với đa số GVMN dạy vùng DTTS, GV tham gia thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi ở những vùng khó khăn.

4. Giải pháp phát triển đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh vùng Tây Nguyên

4.1. Giải pháp 1: Sử dụng quy hoạch phát triển đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi phù hợp với vùng Tây Nguyên

Mục đích của giải pháp: Quản lí tốt việc phát triển đội ngũ GVMN theo quy hoạch, tác động vào cơ cấu đội ngũ GVMN sẽ tạo động lực cho GDMN nói chung và GVMN nói riêng được phát triển đồng bộ; là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng đội ngũ GVMN ở Tây Nguyên có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GDMN và công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

Nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp:

- Thực hiện quy hoạch đội ngũ GV theo quy trình, theo thẩm quyền, đảm bảo các yêu cầu đáp ứng cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng GDMN, đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu về phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi ở các tỉnh vùng Tây Nguyên.

- Phát triển số lượng đội ngũ GVMN đảm bảo cho việc phát triển GDMN của từng địa phương, đơn vị cụ thể đáp ứng cho quy mô trường, lớp, trẻ đến trường, các hoạt động giáo dục trong nhà trường, điều kiện chăm sóc và giáo dục trẻ cả ngày hay một buổi, hệ số GV/nhóm, lớp MN theo quy định và những thay đổi cấp thời về đau ốm, sinh đẻ...

- Quy hoạch về mặt cơ cấu đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi được thể hiện ở các mặt về cơ cấu độ tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, đặc biệt có cơ cấu về thành phần dân tộc. Cơ cấu đội ngũ GVMN gắn với nhu cầu, điều kiện phát triển của nhà trường như xây dựng trường chuẩn quốc gia, phát triển quy mô trường, lớp.

4.2. Giải pháp 2: Tăng cường công tác tuyển chọn và sử dụng đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi ở các tỉnh vùng Tây Nguyên

Mục đích của giải pháp: Thực hiện tốt việc tuyển chọn và sử dụng trên cơ sở quy hoạch, phát triển đội ngũ GVMN, thực hiện nhiệm vụ thu hút đội ngũ GVMN, đảm bảo quyền lợi cho GVMN, tạo tính ổn định, bền vững trong phát triển đội ngũ GVMN, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ nhất là vùng đồng bào

DTTS, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn nhằm đáp ứng nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

Nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp: Việc tuyển dụng GVMN, căn cứ vào nhu cầu của nhà trường theo từng năm học và định biên được duyệt để tuyển dụng. Việc tuyển dụng GVMN phải gắn với quy hoạch, kế hoạch chiến lược của nhà trường, chú ý đến chất lượng đội ngũ GVMN nhất là trình độ đào tạo cơ bản ban đầu phải đạt chuẩn (trung học sư phạm MN) trở lên, ưu tiên GVMN có kinh nghiệm, tay nghề. Sử dụng và phân công GV hướng đến việc phát huy năng lực, sở trường của từng GVMN; đặc biệt chú ý GVMN có năng lực thật sự để đảm đương công việc theo yêu cầu, nội dung chương trình GDMN. Trong sử dụng, cần gắn với việc điều chỉnh các chính sách cho phù hợp như chính sách cho GVMN dạy ở vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS, chế độ khen thưởng... nhằm tạo động lực cho GV không ngừng tự phấn đấu, trau dồi năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu, tiêu chí trong Chuẩn nghề nghiệp GVMN.

Chú ý trong phân công GV dạy vùng đồng bào DTTS ngoài đảm bảo các yêu cầu chuyên môn cần phải quan tâm đến việc bồi dưỡng khả năng sử dụng tiếng Việt (đối với GV người dân tộc) và những hiểu biết căn bản về văn hóa DTTS, có kĩ năng sử dụng tốt tiếng dân tộc trong giao tiếp với người lớn và đặc biệt với trẻ em DTTS; đảm bảo các điều kiện ăn, ở, đi lại, sinh hoạt cho GV...

4.3. Giải pháp 3: Tăng cường quản lí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GVMN dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo hướng chuẩn hóa

Mục đích của giải pháp: Đảm bảo cho đội ngũ GVMN, đặc biệt là GV dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ trình độ, năng lực, nâng cao chất lượng đội ngũ GVMN để đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu GDMN, đáp ứng được yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi một cách bền vững.

Nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp:

Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đảm bảo theo phân cấp quản lí, thực hiện đảm bảo mục tiêu và có các biện pháp bồi dưỡng cụ thể. Những nội dung bồi dưỡng cụ thể:

- Bồi dưỡng chuyên sâu theo các yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp GVMN, đặc biệt là các kĩ năng sư phạm.
- Bồi dưỡng các chuyên đề phục vụ cho nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

Công tác bồi dưỡng GVMN phải gắn với công tác quy hoạch, sàng lọc đội ngũ phù hợp với nhiệm vụ. Đồng thời, có chính sách khuyến khích GVMN tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo tinh thần xã hội hóa trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng theo định kì, theo phân cấp và các nội dung bồi dưỡng.

4.4. Giải pháp 4: Tăng cường quản lí công tác bồi dưỡng việc sử dụng và giao tiếp bằng tiếng dân tộc cho GVMN dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi tại các vùng DTTS ở Tây Nguyên

Mục đích của giải pháp: Chỉ đạo nâng cao khả năng nghe, nói, sử dụng thành thạo tiếng dân tộc đối với GVMN tại các vùng DTTS ở Tây Nguyên để GV có thể làm tốt việc huy động và duy trì sĩ số trẻ 5 tuổi đến trường, giúp cho GV hiểu được đặc điểm phát triển tâm sinh lí nhất là khả năng ngôn ngữ và nhận thức của trẻ em DTTS, chuẩn bị tốt cho trẻ 5 tuổi vào học lớp 1.

Nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp:

- Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đảm bảo theo phân cấp quản lí, thực hiện đảm bảo mục tiêu và có các biện pháp bồi dưỡng cụ thể.
- Tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch, có nội dung phù hợp như các kiến thức về ngôn ngữ giao tiếp, các hiểu biết cơ bản về đời sống văn hoá, tinh thần, phong tục, tập quán của đồng bào DTTS; cách phối hợp với phụ huynh trong công tác giáo dục trẻ tại gia đình, hướng dẫn cho trẻ tham gia các hoạt động theo mục tiêu chương trình GDMN cho trẻ em DTTS. Bồi dưỡng tiếng dân tộc cần phù hợp với dân tộc của từng địa phương.
- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng theo định kì, theo phân cấp, rút kinh nghiệm để có kế hoạch cho những năm tiếp theo.

4.5. Giải pháp 5: Tăng cường thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ cho GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi ở các tỉnh vùng Tây Nguyên

Mục đích của giải pháp: Giải pháp có tính chất đòn bẩy, tạo động lực để GVMN an tâm công tác; giúp GVMN phát huy mọi tiềm năng, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao nhất là GVMN công tác tại vùng DTTS.

Nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp:

- Thực hiện các quy định của nhà nước, chế độ chính sách đối với GVMN, thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi nhất là tiền lương và chính sách ưu đãi, thu hút GV dạy vùng DTTS, vùng khó khăn; chính sách cho GVMN dạy hòa nhập trẻ khuyết tật; chính sách cho GVMN thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục 2 buổi/ngày; các chính sách thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục. Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ cho GVMN công tác tại vùng DTTS, chính sách khuyến khích GV đạt danh hiệu *"GV dạy giỏi"*, GV đạt thành tích cao trong các phong trào thi đua "Hai tốt" trong ngành Giáo dục, GV có thành tích xuất sắc trong học tập hoặc nhà ở và phương tiện đi lại, cơ hội thăng tiến.

4.6. Giải pháp 6: Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá đội ngũ GV mẫu giáo dạy lớp 5 tuổi theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN phù hợp với các tỉnh vùng Tây Nguyên

Mục đích của giải pháp: Thực hiện kiểm tra, đánh giá GVMN theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN theo quy định đồng thời đáp ứng những đặc thù của vùng Tây Nguyên, đảm bảo thực hiện mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi vùng Tây Nguyên một cách bền vững. Kết quả đánh giá GV làm cơ sở để nhà trường và các cấp quản lí giáo dục xây dựng kế hoạch sử dụng và phát triển đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

Nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp:

- Lập kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá đảm bảo theo phân cấp quản lí, thực hiện đảm bảo mục tiêu, nội dung kiểm tra.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá nội dung:

+ Đánh giá GVMN theo nội dung của Chuẩn nghề nghiệp GVMN, đặc biệt kiểm tra, đánh giá các nội dung sau khi được bổ sung chuẩn phù hợp như tiêu chí đánh giá những kĩ năng sử dụng tiếng dân tộc tại địa phương.

+ Đảm bảo đánh giá GVMN triển khai đúng nội dung quy trình của Chuẩn nghề nghiệp GVMN, trong đó việc tự đánh giá là cơ sở để các tổ khối chuyên môn, hiệu trưởng đánh giá và xếp loại GV theo yêu cầu của chuẩn.

+ Xác định được mặt mạnh, yếu về các yêu cầu, lĩnh vực trong chuẩn; chú trọng việc thực hiện năng lực nghề nghiệp, hiệu quả công việc của GVMN trong từng năm học, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2008), *Tài liệu Hội nghị chuyên đề Phát triển giáo dục mầm non các tỉnh khu vực Tây Nguyên*, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2011), *Báo cáo sơ kết hai năm thực hiện Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015*, Hà Nội.

[3]. Thủ tướng Chính phủ, (2010), *Quyết định số 239/2010/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 V/v Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015*, Hà Nội.

[4]. Đặng Quốc Bảo, (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên*, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội.

[5]. Trần Kiểm, (2008), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lí giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

SUMMARY

Goal of educational universalization tied to socio-economic development goals. Universalization of pre-school education for 5 years old children was identified as a regular task. In recent years, guidelines and policies from the Party and State have facilitated development of nationwide pre-school education and in the Central Highlands provinces in particular. In which, the development of pre-school teaching staff was an essential factor to carry out objective of pre-school universalization for 5 years old children in order to improve quality of pre-school education, contributing to the development of education in the Central Highlands provinces, satisfying requirements of national industrialization and modernization.

Keywords: *Teaching staff; universalization; pre-school education; Central Highlands .*

RÈN LUYỆN HOẠT ĐỘNG... *(Tiếp theo trang 44)*

	đoán hệ số sẽ là $\frac{1}{3}; \frac{1}{3}; -\frac{1}{9}$. Ở nhóm này, các em dự đoán là: $AM^2 = \frac{1}{3}AB^2 + \frac{1}{3}AC^2 - \frac{1}{9}BC^2$.

Tri giác về hình học của các em nhóm 2 khá tốt. Khi chúng tôi hỏi lí do vì sao các em gọi *N* là trung điểm *MC*. Các em trả lời vì nhận thấy bài toán này được biến đổi từ bài toán quen thuộc (*). Từ đó, các em suy ra rằng chuyển bài toán này về bài toán (*) bằng cách gọi *N* là trung điểm MC, khi đó M là trung điểm của *BN*. Áp dụng công thức (*) 2 lần sẽ dẫn đến kết quả cần tìm.

Nhóm 3

Bài làm của HS	Phân tích quá trình phán đoán
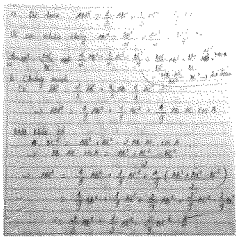	Việc dự đoán của nhóm 3 khá thuận lợi và dễ dàng. Các em cho biết việc các em dự đoán nhanh công thức vì các em dựa vào công thức: $AM^2 = \frac{MC}{BC}AB^2 + AC^2 - \frac{MC.BM}{BC^2}.BC^2$ Các em chứng minh công thức cũng trùng với kết quả mà các em đã dự đoán.

Một số nhóm dự đoán công thức cho trường hợp tổng quát:

Nhóm 1 	Nhóm 2 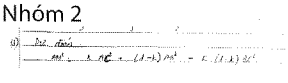
Nhóm 3 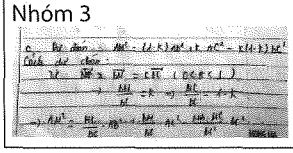	Nhóm 4

Việc phán đoán trường hợp khái quát của các nhóm đều đúng. Sau khi khảo sát các trường hợp riêng, các em đã có cơ sở vững chắc để dự đoán trường hợp khái quát. Các em đi tìm lời giải cho trường hợp khái quát diễn ra khá nhanh. Khâu dự đoán cho những trường hợp riêng đã tạo cơ hội để HS hiểu sâu hơn vấn đề khái quát cũng như là động lực thúc đẩy để các em tìm cách giải quyết vấn đề dự đoán.

5. Kết luận

Dù HS phán đoán đúng hay không đúng kết quả của bài toán, chúng tôi nhận thấy rằng, điểm chung trong các nhóm khảo sát là việc đưa vấn đề phán đoán đã giúp các em cảm thấy mình tích cực học tập, không muốn dựa dẫm vào cách giải của thầy cô trên lớp. Vấn đề phán đoán thúc đẩy các em đi tìm lời giải cho bài toán. Hạn chế của việc đưa phán đoán vào bài dạy là mất nhiều thời gian so với giờ dạy thông thường. Khi bắt đầu phán đoán, HS cảm thấy chưa xác định phương hướng để dự đoán nên đây cũng chính là khó khăn mà các em gặp phải trong quá trình phán đoán. Mặc khác, phán đoán sẽ không gây hứng thú đối với những em có thói quen ỷ lại thầy cô và các bạn, chỉ muốn có sẵn lời giải nào đó.

HS cho rằng nên đưa hoạt động phán đoán vào việc giải quyết các bài toán phức tạp, khó giải quyết. Các khâu dự đoán chính là các nấc thang để các em đến đích của bài toán. Nhiều em cho rằng, luyện tập các hoạt động phán đoán cũng chính là giúp các em tiếp cận với nghiên cứu khoa học. Mặc khác, phần lớn các em đồng ý với ý kiến: Phán đoán giúp các em không những hiểu bài toán được giải quyết như thế nào mà còn hiểu bài toán đó được tìm ra sao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Canadas, Deulofeu, Figueiras, Reid & Yevdokimov, (2007), *The Conjecture Process: Perspectives in Theory and Implications in Practice*, Journal of Teaching and Learning, Vol 5, No 1, pp 55-72.

[2]. Nguyễn Như Hải, (2014), *Logic học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Đào Tam (Chủ biên) - Trần Trung, (2010), *Tổ chức hoạt động nhận thức trong dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

SUMMARY

In this article, the author focuses on steps training for students' judgement activity by using inductive reasoning in teaching Geometry grade 10. The process of judging proposal was based on theoretical and practical background of research problem, then we confirmed that judgment and problem-solving are two close activities in teaching Mathematics in general and in Geometry in particular.

Keywords: *Judgement; inductive reasoning; Geometry.*